

Câu 1. M c tiêu u tranh c a nhân dân M Latinh sau Chi n tranh th gi i th hai là

- A. ch ng ch c tài thân M , giành và b o v c l p, c ng c c l p.
- B. ch ng ch ngh a th c dân c .
- C. ch ng ch phân bi t ch ng t c.
- D. giành c l p dân t c.

Câu 2. Sau Chi n tranh l nh, h u nh t t c các qu c gia u ra s c i u ch nh chi n l c phát tri n, t p trung vào

- A. ch ng ch ngh a kh ng b .
- B. ch y ua v trang.
- C. chinh ph c v tr .
- D. phát tri n kinh t .

Câu 3. Ch ng h a “Apácthai” C ng hòa Nam Phi là

- A. s phân bi t ch ng t c.
- B. s phân bi t giàu nghèo.
- C. s phân bi t tôn giáo.
- D. s phân chia ng c p.

Câu 4. Trong cu c khai thác thu c a l n th hai ông D ng, th c dân Pháp u t v n nhi u nh t vào các ngành

- A. nông nghi p và khai thác m .
- B. nông nghi p và th ng nghi p.
- C. giao thông v n t i.
- D. công nghi p ch bi n.

Câu 5. Vì sao nói Xô vi t Ngh - T nh là nh cao c a phong trào cách m ng 1930 - 1931?

- A. ã ánh th c dân Pháp và phong ki n tay sai.
- B. ã kh ng nh quy n làm ch c a nông dân.
- C. ã thi t l p c m t chính quy n ki u m i, c a dân, do dân và vì dân.
- D. ã làm lung lay t ng c ch phong ki n nông thôn trên c n c.

Câu 6. Sau Chi n tranh l nh, quan h gi a các n c l n đi n ra theo chi u h ng i tho i, tho hi p, tránh xung t tr c ti p vì

- A. các n c u trong giai o n th m dò ti m l c c a nhau, v n lên và xác l p u th trong tr t t th gi i m i.
- B. các n c u mu n t o ra m t môi tr ng qu c t thu n l i, giúp h v n lên và xác l p u th trong tr t t th gi i m i.
- C. các n c l n mu n c nh tranh trên l nh v c kinh t , t ó kh ng nh a v qu c t c a mình.
- D. m is i u và xung ts làm h m t nhi u c h i trong th i i toàn c u hoá.

Câu 7. i m khác bi t l n nh t trong cu c khai thác thu c a l n th hai c a th c dân Pháp Vi t Nam so v i l n th nh t là

- A. u t vào phát tri n v n hóa và n nh chính tr Vi t Nam.
- B. u t v i t c nhanh, quy mô nh vào t t c các ngành kinh t Vi t Nam.
- C. u t v i t c nhanh, quy mô l n vào giao thông v n t i c a Vi t Nam.
- D. u t v i t c nhanh, quy mô l n vào các ngành kinh t Vi t Nam.

Câu 8. Hãy s p x p các s ki n sau ây theo ti n trình th i gian.

1. “T ch c Hi p c Vácsava” ra i.
2. “H i ng t ng tr kinh t ” (SEV) c thành l p.
3. “T ch c Hi p c B c i Tây D ng” (NATO) ra i.
4. M thông qua “K ho ch Macsan”.

- A. 4, 2, 3, 1.
- B. 1, 2, 3, 4.
- C. 3, 2, 1, 4.
- D. 2, 1, 3, 4.

- Câu 9.** Ý nào dưới đây **không** phản ánh đúng bản chất thành lập “Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á”?
- A. Xu hướng nhu cầu hợp tác khu vực và quốc tế có hiệu quả.
 B. Các quốc gia cần hợp tác phát triển kinh tế sau khi giành độc lập.
 C. Nhu cầu hạn chế sự can thiệp của các cường quốc bên ngoài.
 D. Cuộc chiến tranh xâm lược của Mỹ Việt Nam bước vào giai đoạn kết thúc.
- Câu 10.** Sau khi nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời, Chính phủ lâm thời đã làm gì xây dựng chính quyền cách mạng?
- A. Thành lập Nhà Bình dân ở các vùng.
 B. Phát động phong trào thanh niên cứu quốc.
 C. Tiến hành tổng tuyển cử trong cả nước.
 D. Thành lập các đoàn quân Nam tiến.
- Câu 11.** Quốc gia nào châu Phi chịu ảnh hưởng mạnh mẽ nhất của chiến tranh lạnh ở biên giới Việt Nam?
- A. Angiêri.
 B. Nam Phi.
 C. Congo.
 D. Ai Cập.
- Câu 12.** Biểu hiện nào sau đây **không** phải là xu hướng toàn cầu hóa?
- A. Sự ra đời của các tổ chức liên kết kinh tế, thương mại, tài chính quốc tế và khu vực.
 B. Sự phát triển mạnh mẽ của khoa học - công nghệ.
 C. Sự phát triển nhanh chóng của quan hệ thương mại quốc tế.
 D. Sự phát triển và tác động to lớn của các công ty xuyên quốc gia.
- Câu 13.** Nội dung của quan hệ liên minh Nhật - Mỹ là
- A. Hợp tác phục vụ.
 B. Hiệp định an ninh Mỹ - Nhật.
 C. Hiệp định hòa bình Xan Phranxixcô.
 D. Hợp tác Kaiphu.
- Câu 14.** Nguyên nhân nào sau đây khiến Liên Xô tan rã là
- A. Thị trường mất trật tự thị trường nội địa, nhu cầu trung tâm.
 B. Tổng cộng 15 năm, uy hiếp các nước xã hội chủ nghĩa.
 C. Mất thị trường mất trật tự thị trường nội địa do Mỹ chi phối và lãnh đạo.
 D. Giải tán khối quân sự NATO.
- Câu 15.** Sau Chiến tranh thế giới thứ hai (năm 1945), nhu cầu Đông Nam Á vận hành tiếp tục cuộc đấu tranh giành và bảo vệ độc lập vì
- A. Mỹ và Hà Lan xâm lược trở lại.
 B. thực dân Âu - Mỹ xâm lược trở lại.
 C. quân phiệt Nhật Bản xâm lược trở lại.
 D. thực dân Pháp xâm lược trở lại.
- Câu 16.** Luận cương chính trị của Đảng Cộng sản Đông Dương (10 - 1930) xác định cách mạng Đông Dương là giai cấp
- A. công nhân, nông dân.
 B. công nhân, nông dân, tiểu tư sản.
 C. nông dân, tiểu tư sản.
 D. công nhân, tiểu tư sản, tiểu tư sản dân tộc.
- Câu 17.** Ý nghĩa to lớn nhất của chiến dịch Biên giới thu - đông 1950 là
- A. tiêu diệt lực lượng 8000 tên địch.
 B. làm phá sản âm mưu đánh nhanh, thắng nhanh của Pháp.
 C. đập phá hoàn toàn âm mưu xâm lược của Pháp.
 D. giành thắng lợi trên chiến trường chính Bắc Bộ.
- Câu 18.** Việc thành lập “Phong trào không liên kết” là sáng kiến của quốc gia nào?
- A. Ấn Độ.
 B. Liên Xô.
 C. Trung Quốc.
 D. Việt Nam.
- Câu 19.** Việc Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ký kết Hiệp định Sơ bộ (6 - 3 - 1946) nhằm hòa hoãn với Pháp, chủ yếu
- A. suy yếu các lực lượng cách mạng.
 B. sử dụng lợi ích của ta trên mặt trận ngoại giao.
 C. chờ đợi hoàn toàn âm mưu xâm lược của Pháp.
 D. sử dụng hòa hoãn và Chính phủ ta.
- Câu 20.** Chính sách kinh tế nào **không** phải do chính quyền Xô viết Nghệ - Tĩnh thực hiện trong những năm 1930 - 1931?
- A. Xóa nợ cho người nghèo.
 B. Cải cách ruộng đất.

C. Chia ruộng công cho dân cày nghèo. D. Bãi bỏ thuế thân.

Câu 21. Văn kiện nào ra đời ngay sau ngày Nhật chiếm Pháp (9 - 3 - 1945)?

- A. Chỉ thị “Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta”.
- B. Phá kho thóc của Nhật, giải quy tán ruộng.
- C. Lời kêu gọi nhân dân “Sống với kẻ thù chung”.
- D. Chỉ thị “Sử dụng kinh nghiệm”.

Câu 22. Nội dung nào **không** phải là văn bản quan trọng và cấp bách của giải quy tán ruộng mà các cấp chính quyền địa phương phải thực hiện vào đầu năm 1945?

- A. Nhanh chóng đánh bại hoàn toàn các lực lượng phản động.
- B. Tổ chức lực lượng giải quy tán ruộng.
- C. Phân chia ruộng cho các tầng lớp nông dân.
- D. Tổ chức lực lượng quản lý ruộng đất.

Câu 23. Việt Nam đã và đang vận dụng nguyên tắc cơ bản nào của Liên hợp quốc để giải quyết vấn đề biên giới?

- A. Bình đẳng quy định các quyền lợi và nghĩa vụ của các dân tộc.
- B. Không can thiệp vào công việc nội bộ của bất kỳ nước nào.
- C. Giải quyết các tranh chấp quốc tế bằng biện pháp hòa bình.
- D. Chung sống hòa bình và sống tốt với nhau 5 nguyên tắc (Liên Xô, Mỹ, Anh, Pháp và Trung Quốc).

Câu 24. Mục tiêu đấu tranh chủ yếu của giai cấp công nhân trong những năm 1919 - 1925 là gì?

- A. Đòi hỏi quyền lợi kinh tế.
- B. Đòi ruộng đất cho nông dân nghèo.
- C. Đòi cải thiện đời sống cho dân tộc Việt Nam.
- D. Đòi hỏi quyền lợi chính trị.

Câu 25. Giải pháp thành quả cách mạng trong những năm 1945 - 1946, Đảng Cộng sản Việt Nam đã làm gì?

- A. Tổ chức lực lượng giáo dục và giải quy tán ruộng.
- B. Quy tập tàn dư của chế độ Pháp xâm lược và trừng trị bọn phản động.
- C. Công khai, bóc lột chính quyền cách mạng và ra sức xây dựng chế độ mới.
- D. Thành lập chính phủ chính thức của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Câu 26. Hình thức tổ chức Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (5 - 1941) đã xác định hình thức của cuộc kháng chiến là

- A. Tổng lực lượng đấu tranh vũ trang.
- B. Tổng lực lượng đấu tranh chính trị.
- C. Tổng lực lượng nông thôn tiến về thành thị.
- D. Tổng lực lượng thành thị quay về nông thôn.

Câu 27. Khó khăn nghiêm trọng nhất, đe dọa sự tồn tại của chính quyền cách mạng nước ta sau năm 1945 là

- A. Nội chiến, nạn đói do thiên tai.
- B. Các thế lực phản động trong nước ngóc ngáy trước cách mạng.
- C. Ngân sách Nhà nước thiếu hụt nghiêm trọng.
- D. Ngoại xâm và nội chiến.

Câu 28. Giai cấp công nhân Việt Nam có nhu cầu xuất thân chủ yếu là

- A. Giai cấp công nhân bản địa.
- B. Giai cấp nông dân bị bóc lột.
- C. Tầng lớp công nhân tư bản.
- D. Viên chức, công nhân tư bản.

Câu 29. Sự kiện nào chứng tỏ thời kỳ kháng chiến của Việt Nam cuối những năm 20 của thế kỷ XX?

- A. Việt Nam Quốc dân Đảng thành lập.
- B. Tân Việt Cách mạng Đảng thành lập.
- C. Thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên.
- D. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời.

Câu 30. Trong lĩnh vực khoa học - kỹ thuật, thành tựu quan trọng nhất, Nhật Bản thể hiện bằng pháp nào sau đây?

- A. Hợp tác với các nước khác về khoa học, công nghệ.
- B. Ưu tiên thu hút vốn đầu tư phát minh, sáng chế.
- C. Ưu tiên nghiên cứu khoa học.
- D. Mua bản quyền phát minh sáng chế và chuyển giao công nghệ.

Câu 31. Sự thành lập Liên minh châu Âu (EU), Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN)...là biểu hiện của

- A. xu thế toàn cầu hóa.
- B. xu hướng liên kết kinh tế khu vực.
- C. xu hướng liên kết tài chính quốc tế.
- D. xu thế phát triển của thị trường sau Chiến tranh lạnh.

Câu 32. Trong Quân lệnh số 1 của Ủy ban kháng chiến toàn quốc có viết: “Giết ngụy kháng chiến! Chúng tôi có mệnh cho quân dân Việt Nam vùng dậy giành lấy quyền độc lập của nước nhà!”. (Trích Văn kiện Đảng - Toàn tập, tập 7, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội năm 2000, trang 421). Câu nói trên cho biết

- A. thời kỳ tiến hành kháng chiến bắt đầu.
- B. thời cơ cách mạng đang chín muồi.
- C. thời cơ cách mạng đã chín muồi.
- D. Cách mạng tháng Tám đã thành công.

Câu 33. Thời gian nào đã đưa nhân dân Việt Nam từ thân phận nô lệ trở thành người làm chủ nước?

- A. Ngày Cách mạng Việt Nam ra đời năm 1930.
- B. Chiến thắng Điện Biên Phủ năm 1954.
- C. Cách mạng tháng Tám năm 1945.
- D. Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975.

Câu 34. Hình thức đấu tranh của phong trào Đông Dương (năm 1936) là

- A. gọi các báo “dân quyền”.
- B. đấu tranh báo chí.
- C. đấu tranh nghị trường.
- D. biểu tình thị uy.

Câu 35. Cơ quan ngôn luận của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên là

- A. Báo “Tiếng dân”.
- B. Báo “Thanh niên”.
- C. Tạp chí “Đời tân niên”.
- D. Báo “Nhân đạo”.

Câu 36. Sự kiện nào đánh dấu sự sụp đổ hoàn toàn của chế độ phong kiến Việt Nam?

- A. Chiến thắng Điện Biên Phủ của “Tuyên ngôn độc lập”.
- B. Tổng khởi nghĩa tháng Tám trên cả nước.
- C. Vua Bảo Đại tuyên bố thoái vị.
- D. Giành chính quyền Hồ Chí Minh.

Câu 37. Nội dung cơ bản của nghị định kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 - 1954) của Đảng là

- A. toàn dân, toàn bộ, toàn lực và tranh thủ thời cơ cách mạng.
- B. toàn dân, toàn bộ, toàn lực và tranh thủ thời cơ cách mạng.
- C. toàn dân, toàn bộ, toàn lực và tranh thủ thời cơ cách mạng.
- D. toàn dân, toàn bộ, toàn lực, toàn lực và tranh thủ thời cơ cách mạng.

Câu 38. Thành tựu công nghiệp của nước ta vào những năm 80 của thế kỷ XX là

- A. trở thành công nghiệp hàng đầu về công nghệ hiện đại.
- B. ngành thủ công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp phát triển.
- C. ngành hàng thủ công trong những năm sản xuất công nghiệp phát triển.
- D. nước ta tiên tiến về xây dựng nhà máy điện nguyên tử.

Câu 39. Nội dung cơ bản của văn kiện về cải cách ruộng đất là

M	N
1. Mất quyền tự do dân chủ của nhân dân.	a. 7 - 1936.
2. Mất quyền tự do dân chủ của nhân dân.	b. 3 - 1938.
3. Mất quyền tự do dân chủ của nhân dân.	c. 11 - 1939.
4. Mất quyền tự do dân chủ của nhân dân.	d. 5 - 1941.

A. 2 - a, 1 - b, 3 - d, 4 - c

B. 1 - a, 2 - d, 3 - b, 4 - c

C. 2 - b, 1 - c, 3 - a, 4 - d

D. 1 - a, 2 - b, 3 - c, 4 - d

Câu 40. “Phong trào quần chúng phản đế, có tổ chức, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam”. (Trích SGK Lịch sử 12 Cơ bản, tr. 102 NXBGD 2008). Đây là đặc điểm của giai đoạn đấu tranh nào trong lịch sử dân tộc Việt Nam từ sau Chiến tranh thế giới thứ nhất?

A. Cao trào kháng Nhật cứu nước.

B. Phong trào dân chủ 1936 - 1939.

C. Đấu tranh giành chính quyền.

D. Cuộc đấu tranh chuyển biến cách

mạng.

-----H T-----

Thí sinh không sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không ghi thích gì thêm.

Họ tên thí sinh:; Số báo danh: